

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14 /2022/HS-ST

Ngày: 04 - 5 - 2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Lê Thành Tân**

*Thẩm phán:* Bà **Phạm Thị Hồng Hà**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Nguyễn Thị Lành**
2. Ông **Nguyễn Thanh Trang**
3. Ông **Nguyễn Hữu Thanh**

**- Thư ký phiên tòa:** ông **Trần Kiến Toàn** –Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:**  
ông **Huỳnh Hoàng Em** - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2022/TLST-HS ngày 24 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2022/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 4 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: N. T. C, sinh năm: 1978 tại tỉnh Đồng Tháp. Nơi cư trú: Số 137/2 ấp L, xã L. H, huyện L. V, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông N. V. C (chết) và bà T. T. Í; có vợ T. T. K. N và 03 người con, lớn nhất sinh năm 1997 và nhỏ nhất sinh năm 2006; tiền sự, tiền án: không.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 01/6/2021 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: T. T (tên gọi khác: T. Đ), sinh năm: 1955 tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi cư trú: Số 14 đường V, khóm 4, thị trấn C. K, huyện C. K, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông T. S (chết) và bà T. T. H;

có vợ N. T. L và 03 người con, lớn nhất sinh năm 1982 và nhỏ nhất sinh năm 1989; tiền sự, tiền án: không.

Bị cáo ra đầu thú, hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: N. T. N, sinh năm: 1986 tại Đồng Tháp. Nơi cư trú: ấp L, xã L. H, huyện L. V, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông N. V. L (chết) và bà H. T. H; có vợ C. T. H (ly hôn 2021) và 02 người con, lớn nhất sinh năm 2009 và nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền sự, tiền án: không.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 01/6/2021 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho các bị cáo:*

+ Ông Lê Anh Chiến, Luật sư của Văn phòng luật sư Lê Anh Chiến thuộc Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long, bào chữa chỉ định cho bị cáo N. T. C, có mặt tại phiên tòa.

+ Ông Trần Quang Huy Cường, Luật sư Công ty luật TNHH Phong Quang thuộc Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long, bào chữa chỉ định cho bị cáo N T N, có mặt tại phiên tòa.

+ Ông Nguyễn Phước Triều, Luật sư Văn phòng luật sư Dương Văn Hiệp thuộc Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long, bào chữa chỉ định cho bị cáo T. T, có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* anh L. T. D, sinh năm: 1973; nơi cư trú: P802 nhà CT2 DN2, khu đô thị mới Đ. C, quận H. M, Thành phố Hà Nội – vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. H. T. H, sinh năm: 1967; nơi cư trú: Số 126/A/2 ấp L. K, xã L, huyện L. V, tỉnh Đồng Tháp - Có mặt.

2. T. T. B. T, sinh năm: 1986; nơi cư trú: Số 33/A ấp L, xã H. L, huyện L. V, tỉnh Đồng Tháp - Có mặt.

3. T. T. K. N, sinh năm: 1980; nơi cư trú: Số 137/2, ấp L, xã L. H, huyện L. V, tỉnh Đồng Tháp – Có mặt.

4. T. T. C. V, sinh năm: 1989; nơi cư trú: Số 14, đường V, khóm 4, thị trấn C. K, huyện C. K, tỉnh Trà Vinh – Có mặt.

5. V. P. M. M, sinh năm: 1981, nơi cư trú: Số 240, khóm A, thị trấn L. V, huyện L. V, tỉnh Đồng Tháp - Có mặt.

- *Người làm chứng:*

Anh N. V. H, sinh năm 1972 - Có mặt.

Nơi cư trú: Số 98/10/9 đường T, phường T. T, quận T. P, Thành phố Hồ Chí Minh.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

N. T. C, địa chỉ: ấp L, xã L. H, huyện L. V, tỉnh Đồng Tháp có thời gian mua bán gỗ, đồ cổ nên quen biết với người Campuchia. Do việc làm ăn thô lỗ nên được người Campuchia không rõ lai lịch hướng dẫn cách làm giả đồ cổ vật đồng đen, lừa bán cho người khác để chiếm đoạt tiền. Do muốn có tiền tiêu xài cá nhân C rủ và bàn bạc với T. T, địa chỉ khóm 4, thị trấn C. K, huyện C. K, tỉnh Trà Vinh là người quen biết khi làm ăn và N. T. N địa chỉ ấp L, xã L. H, huyện L. V, tỉnh Đồng Tháp, tham gia lừa bán đồ cổ vật giả cho người khác để chiếm đoạt tiền chia nhau tiêu xài. C có nhiệm vụ chế tạo đồ cổ vật giả bằng cách nấu chì miếng thành lỏng rồi đúc thành khối, quấn kín xung quanh bằng băng keo, lấy vải màu đỏ tự vẽ hoa văn bằng mực đen (gọi là lá bùa) bọc bên ngoài khối chì. Để làm tăng sự tin tưởng, T còn hơi nóng gương soi rồi cho vào nước lạnh tạo sự rạn nứt trên mặt gương để người mua tin đồ cổ vật có năng lượng, có khả năng phá vỡ thủy tinh và chữa bệnh; N thì dùng tài khoản facebook “Bạch Tuyết” của bạn gái tên T. T. B. T, địa chỉ ấp L, xã H. L, huyện L. V, tỉnh Đồng Tháp để đăng thông tin giới thiệu về đồ cổ vật trên mạng xã hội, khi nào có người liên lạc mua thì N giới thiệu qua T là người đang quản lý đồ cổ vật; T sẽ nói thông tin giả về tính năng, tác dụng của đồ cổ vật và giao dịch với người mua.

Đến khoảng tháng 02/2021, anh L. T. D, địa chỉ khu đô thị mới Đ. C, quận H. M, Thành phố Hà Nội là người thích nghiên cứu, sưu tầm đồ cổ vật, cập nhật được thông tin bài đăng của N với nội dung: có đồ cổ vật cần bán, kèm hình ảnh trong nhóm Fanpage do nhóm của D Lập. Sau đó, anh D liên lạc với N qua điện thoại, N nói với D đồ cổ vật là của ông bác tên T. S (bị cáo T) ở Trà Vinh đang gửi ở chùa; N cho số điện thoại của C để anh D liên hệ trao đổi tìm hiểu thêm thông tin về đồ cổ vật; khi anh D liên lạc với C, C xưng danh tên N. M. T và trao đổi một số thông tin rồi cho số điện thoại của T để D tiếp tục liên lạc, khi anh D liên lạc với T, T giới thiệu làm nghề bốc thuốc chữa bệnh cho người dân, trước đây có đi tu nên biết sư thầy khome trong ban quản tự của 03 ngôi chùa khome ở tỉnh Vĩnh Long, tỉnh Trà Vinh và thành phố Cần Thơ có đồ cổ vật bằng đồng phát ra năng lượng, có thể chữa bệnh, đồ cổ vật hiện đang được bảo quản tại chùa, sư thầy của chùa quyết định chọn người để trao đổi đồ cổ vật lấy tiền xây dựng nhà táng và một số phòng học cho các sư tại chùa; tiếp đó T yêu cầu anh D gửi thông tin họ tên, ngày tháng năm sinh để nhờ sư thầy xem nếu thích hợp và có tâm đức thì sẽ được nhà chùa giao lại đồ cổ vật. Đến khoảng tháng 3/2021 T điện thoại cho D nói nhà chùa đã đồng ý giao cho anh D đồ cổ vật, anh D phải đến chùa để tổ chức lễ thỉnh trước khi nhận đồ cổ vật và yêu cầu anh D chuẩn bị trước số tiền 500.000.000 đồng, để trao đổi lấy đồ cổ vật và hẹn gặp anh D vào ngày 26/4/2021, nhưng T không cho địa chỉ cụ thể mà dặn anh D khi nào đi thì liên lạc để T chỉ đường.

Ngày 25/4/2021 anh D cùng bạn là V. C. S, địa chỉ phường Q. B, thành phố V, tỉnh Nghệ An đến gặp anh N. V. H, địa chỉ phường T. T, quận T. P, Thành phố Hồ Chí Minh để mượn số tiền 500.000.000 đồng; đến ngày 26/4/2021 anh D liên lạc với T, T kêu D xuống tỉnh Trà Vinh. Khi anh D, S và H đến tỉnh Trà Vinh thì anh H vào ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu rút 500.000.000 đồng đưa cho anh Dương mượn; sau đó D được T chỉ dẫn đến chùa Hạnh Phúc Tăng thuộc ấp Trung Trạch, xã Trung thành, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long và dặn D đi vào chùa một mình. Trước đó, N điều khiển xe mô tô 66V1-622.86 chở C cùng mang theo cục đồng đen giả đến chùa Hạnh Phúc Tăng đưa cho T và T vào chùa liên hệ gặp ông K. T (pháp danh Lục Tà Thao), nhờ làm lễ cúng nước cho người thân, nên ông Thao đồng ý và T đặt cục đồng đen lên bàn thờ trong phòng ông T. Đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, anh D đến chùa gặp T và xin cho anh S cùng đi vào chùa được T đồng ý, khi vào phòng gặp ông T thì T và T nói chuyện với nhau bằng tiếng khOME, nội dung T nhờ ông T làm lễ cúng nước cho anh D và anh S, cả hai làm theo sự chỉ dẫn của T, kết thúc lễ T lấy cục đồng đen được bọc vải đỏ bên ngoài trên bàn thờ đưa cho anh D và anh D đưa túi đựng tiền cho anh T, T nói vải đỏ bọc bên ngoài là lá bùa, về đến nhà mới được mở ra, khi bán được cổ vật phải quay lại chùa để làm tiếp công đức và trả lại lá bùa cho nhà chùa. Sau khi cùng nhau ra về, T đem số tiền chiếm đoạt được của anh D đưa cho C và N mỗi người 150.000.000 đồng, T giữ 200.000.000 đồng rồi cả ba cùng tháo bỏ sim đã liên lạc với D trước đó. Đến ngày 28/4/2021 khi mở kiểm tra cổ vật D phát hiện bên trong chỉ có một hộp nhựa, chứa chất kim loại màu trắng bạc, anh D liên lạc với nhóm của C, T, N nhưng không liên lạc được, nên anh D làm đơn tố giác hành vi trên của C, T, N.

Đối với K. T và T. T. B. T đều không biết được hành vi phạm tội trên, cũng không hưởng lợi ích gì nên không có cơ sở để xem xét xử lý.

Tại bản kết luận giám định số 2830/C09B ngày 04/6/2021 của Phân viện KHHS - Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: cục chất màu bạc đựng trong một hộp nhựa được niêm phong, gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là chì (Pb), hàm lượng chì 85,17%, đồng (Cu) hàm lượng đồng: 14,73%. Chì là kim loại mềm, nặng, độc hại với con người.

Tại bản kết luận giám định số 3287/C09B ngày 28/6/2021 của Phân viện KHHS - Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận:

Một hộp hình trụ tròn, thân trụ có quần băng keo màu đen, nắp nhựa màu tím được niêm phong trong gói mã số PS1A039707, bên ngoài được phủ một lớp sáp thành phần là Polyethylene, thành phần chính bên trong là kim loại chì (Pb)

Một khối rắn hình trụ tròn, thân trụ có quần băng keo màu đen được niêm phong trong gói mã số NS2A035747, bên trong được phủ một lớp sáp thành phần là Polyethylene, thành phần chính bên trong là kim loại chì (Pb).

Chì (Pb) không phải là kim loại quý, được ứng dụng trong nhiều lĩnh vực sản xuất và đời sống.

*Về trách nhiệm dân sự:* bị hại L. T. D yêu cầu các bị cáo cùng có trách nhiệm bồi thường số tiền 500.000.000 đồng. Bà H. T. H, chị T. T. B. T nộp thay cho bị cáo N số tiền 35.000.000 đồng; chị T. T. K. N là vợ bị cáo C nộp 64.249.000 đồng, chị T. T. C. V là con ruột bị cáo T nộp thay số tiền 50.000.000 đồng.

*Về vật chứng đang tạm giữ:*

*Tạm giữ N. T. C:*

- 01 (một) điện thoại màu đen hiệu Samsung, sim số 0792.316.188.
- 02 (hai) tấm kính thủy tinh có kích thước 10cm x10cm, đã bị vỡ.
- 01 (một) khối kim loại hình trụ tròn có kích thước 7,5cm x 8,5cm, cân nặng 3,1kg.
- 26 ống thủy tinh đo nhiệt độ.
- 10 mảnh vải.
- 02 giấy chứng minh nhân dân.
- 11 viên kim loại màu đen.
- 06 cuộn băng keo màu đen.
- 36 miếng thủy tinh.
- 07 hột quẹt gas; 14 hộp quẹt diêm.

*Tạm giữ của T. T:*

.01 (một) xe mô tô biển số 84K1-378.90 hiệu Yamaha Exciter, màu sơn xanh, đen.

*Tạm giữ của N. T. N:*

- 01 (Một) biển số xe mô tô số 66L1-566.38.
- 01 (Một) biển số xe mô tô 66L1-073.68.
- 01 (Một) mô tô biển số 66V1-662.86 nhãn hiệu Honda Vario, màu sơn đen.
- 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung, vỏ máy màu đen, sim số 0899.609.939.
- 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia vỏ máy màu đen sim số 0783.766.142.
- 01 (một) khối chất rắn, cân nặng 2,72kg; 01 (một) miếng vải màu đỏ.

*Tạm giữ của bị hại L. T. D:*

- 01 (một) mảnh vải màu đỏ; 01 (một) túi nylon màu vàng; Nhiều miếng băng keo màu đen.

- 01 (một) hộp nhựa màu hồng, bên trong có chất kim loại màu bạc, cân nặng: 2,62kg.

- 02 giấy lĩnh tiền bản photo của ngân hàng ACB, ngày 26/4/2021 (bản chính kèm theo hồ sơ BL 14,15)

Tại Bản cáo trạng số 04/CT-VKSVL-P1 ngày 19 tháng 01 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã truy tố N. T. C, N. T. N, T. T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

*Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:* vì mục đích muốn có tiền để tiêu xài cá nhân, nên cả 03 bị cáo N. T. C, T. T và N. T. N cùng nhau phối hợp, bàn bạc thống nhất đưa ra những thông tin không có thật để người bị hại L. T. D tin tưởng đó là cổ vật thật có năng lượng, có khả năng phá vỡ thủy tinh và chữa được bệnh, nên đã bị lừa số tiền 500.000.000 đồng vào ngày 26/4/2021 tại chùa Hạnh Phúc Tăng thuộc ấp Trung Trạch, xã Trung Thành, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Trong đó, C là người chế tạo ra cổ vật giả (đồng đen), N đăng thông tin trên mạng xã hội tài khoản facebook, T giao dịch việc trao đổi cổ vật giả, sau đó chia nhau tiêu xài số tiền đã chiếm đoạt được. Đồng thời, sau khi nêu các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cũng như nhân thân của từng bị cáo; Trên cơ sở đó, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố cả 3 bị cáo N. T. C, N. T. N và T. T đều phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, các điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; Điều 17 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo T. T từ 13 năm đến 15 năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; Điều 17 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo N. T. C từ 14 năm đến 16 năm tù; thời hạn tù tính từ ngày 01/6/2021.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, các điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; Điều 17 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo N. T. N từ 12 năm đến 14 năm tù; thời hạn tù tính từ ngày 01/6/2021.

Về trách nhiệm dân sự: Điều 48 của Bộ luật Hình sự, các Điều 288, 584, 585, 586, 587 và 589 của Bộ luật Dân sự .

Buộc các bị cáo T. T, N. T. C, N. T. N liên đới theo phần để bồi thường cho bị hại L. T. D số tiền 500.000.000 đồng;

+ Trong đó, bị cáo T. T phải bồi thường số tiền 200.000.000 đồng; bị cáo đã bồi thường 50.000.000 đồng, còn phải bồi thường tiếp số tiền 150.000.000đ.

+ Bị cáo N. T. C phải bồi thường cho bị hại số tiền 150.000.000 đồng, bị cáo đã bồi thường số tiền 64.249.000 đồng, bị cáo phải bồi thường tiếp 85.751.000 đồng.

+ Bị cáo N. T. N phải bồi thường cho bị hại số tiền 150.000.000 đồng; bị cáo đã bồi thường 35.000.000 đồng, bị cáo phải bồi thường tiếp 115.000.000 đồng.

Tiếp tục tạm giữ số tiền các bị cáo đã nộp 149.249.000 để đảm bảo thi hành án.

**Về xử lý vật chứng:** áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

\* *Tạm giữ N. T. C:* đề nghị sung công quỹ Nhà nước.

- 01 điện thoại màu đen hiệu Samsung, sim số 0792.316.188.

\* Bị cáo T. T: đề nghị sung quỹ Nhà nước phương tiện là xe mô tô.

- 01 (một) xe mô tô biển số 84K1-378.90, nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu sơn xanh, đen.

\* Bị cáo N: đề nghị tiêu quỹ 02 biển số xe.

- 01(một) biển số xe mô tô 66L1-566.38.

- 01 (một) biển số xe mô tô 66L1-073.68.

- 01 (một) khối chất rắn, cân nặng 2,72kg; 01(một) miếng vải màu đỏ.

• Sung quỹ Nhà nước:

-01 (một) mô tô biển số 66V1-662.86 nhãn hiệu Honda Vario, màu sơn đen.

- Trả cho bị cáo N 02 điện thoại: 01 điện thoại Samsung, võ máy màu đen và 01 điện thoại Nokia.

\* Đề nghị tịch tiêu hủy các vật chứng theo biên bản giao nhận ngày 16 tháng 3 năm 2022 của cơ quan cảnh sát điều tra – Công an tỉnh Vĩnh Long và cơ quan Dân sự thi hành án tỉnh Vĩnh Long.

\* Đối với 02 giấy lĩnh tiền bản photo của ngân hàng ACB, ngày 26/4/2021 (bản chính kèm theo hồ sơ BL 14,15) đề nghị Hội đồng xét xử đưa vào hồ sơ vụ án.

Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo T. T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 7.500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo N. T. C phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 3.212.450 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo N. T. N phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 5.750.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

*Tại phiên tòa các bị cáo trình bày:*

- Bị cáo N. T. C trình bày: bị cáo chỉ là người chế tác chì rồi bán cho T, bị cáo không biết bị hại D là ai, ngày T bán đồ vật cho D bị cáo có mặt ở Vũng Liêm. Sau đó bị cáo T bán xong và trả cho bị cáo số tiền 150.000.000 đồng.

Luật sư Lê Anh Chiến bào chữa cho bị cáo C trình bày: trong giai đoạn điều tra bị cáo khai báo thật thà, tuy nhiên tại tòa hôm nay bị cáo đã khai báo khác. Do đó, cũng đề nghị Hội đồng xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị cáo N. T. N trình bày: do hoàn cảnh khó khăn nên khi được sự rủ rê của C làm đồ giả bán lấy tiền chia nhau thì bị cáo đồng ý. Bị cáo chỉ thực hiện đăng thông tin bán đồ cổ giả trên mạng xã hội Facebook, bị cáo đã ăn năn, hối hận, đã tác động gia đình để hoàn trả cho bị hại.

Luật sư Trần Quang Huy Cường bào chữa cho bị cáo N trình bày: bị cáo N đã thật thà khai báo đã tác động gia đình nộp số tiền để khắc phục hậu quả, bị cáo là lao động chính đang nuôi con nhỏ bị bệnh bẩm sinh. Thống nhất các tình tiết giảm nhẹ như vị kiểm sát viên đã đề nghị.

- Bị cáo T. T trình bày: do được C rủ rê nên bị cáo đồng ý làm theo, cáo trạng nêu hành vi phạm tội của bị cáo đúng hết. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét việc bị cáo đã hợp tác tốt với cơ quan để bắt đồng phạm, bị cáo bị bệnh xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Luật sư Nguyễn Phước Triều bào chữa cho bị cáo T trình bày: thống nhất với cáo trạng cũng như lời luận tội của Kiểm sát viên đề nghị xử lý bị cáo về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Khi được bị cáo C rủ làm đồ cổ giả để lừa bán lấy tiền chia nhau, do hoàn cảnh khó khăn nên bị cáo T nhắm mắt làm liều, nên bị cáo vấp thân vào con đường phạm tội. Rất mong Hội đồng xét xử xem xét áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ, theo điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, để áp dụng mức hình phạt thấp nhất cho bị cáo.

*\* Những người tham gia tố tụng khác trình bày:*



- Bà H. T. H và bà T. T. B. T trình bày: là mẹ và bạn gái của bị cáo N, do bị cáo N đã tác động nên đã nộp được tổng cộng số tiền 35.000.000 đồng thay cho bị cáo N để hoàn trả lại cho bị hại.

- Bà T. T. K. N trình bày: do tác động của bị cáo C, bà đã nộp được tổng số tiền 64.290.000 đồng để hoàn trả lại cho bị hại.

- Bà T. T. C. V trình bày: do tác động của cha là bị cáo T, nên chị nộp số tiền 50.000.000 đồng để hoàn trả cho bị hại.

- Ông V. P. M. M trình bày: chiếc xe mô tô biển số 66V1-662.86 ông đã bán cho bị cáo N với giá 20.000.000 đồng, bị cáo N đã trả đủ tiền xe thuộc sở hữu của bị cáo N.

*Lời nói sau cùng của các bị cáo:*

+ Bị cáo N. T. C nói lời sau cùng: bị cáo không có lừa đảo của ai hết, bị cáo chỉ chế tác chì để bán lấy tiền.

+ Bị cáo N. T. N nói lời sau cùng: bị cáo hối hận việc làm của mình nên nhờ gia đình khắc phục hậu quả, bị cáo xin lỗi bị hại và xin lỗi gia đình.

+ Bị cáo T. T nói lời sau cùng: bị cáo hối hận việc làm sai trái vi phạm pháp luật, nên đã ra đầu thú và tích cực hợp tác với cơ quan điều tra để liên hệ các bị cáo khác, giúp cơ quan điều tra bắt các đồng phạm; bị cáo lớn tuổi có nhiều bệnh. Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Vĩnh Long, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, luật sư, bị cáo và bị hại không ai có ý kiến hoặc khiếu nại, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa cả 2 bị cáo N và T khai nhận vì muốn có tiền để tiêu xài cá nhân, nên cả 03 bị cáo N. T. C, T. T và N. T. N bàn bạc thống nhất đưa ra những thông tin không có thật, đó là “đồ gia bảo” (cổ vật) có năng lượng, có khả năng phá vỡ thủy tinh và chữa được bệnh, nên bị hại tin tưởng đã bị các bị cáo lừa chiếm đoạt số tiền 500.000.000 đồng. Mặc dù, bị cáo C không thừa nhận hành vi phạm tội, nhưng lời 02 bị cáo N và T phù hợp với lời khai của bị cáo C trong quá trình điều tra.

Xét lời nhận tội của các bị cáo đã phù hợp với lời khai của bị hại, vật chứng thu được, kết quả giám định, cùng các chứng cứ khác đã được thu thập và thẩm tra tại phiên tòa; do đó, đủ cơ sở để quy kết tất cả các bị cáo N. T. C, T. T và N. T. N đều phạm vào tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

[3] Tính chất của vụ án là đặc biệt nghiêm trọng, sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ, nhằm tránh khỏi mọi sự xâm hại; các bị cáo đã có hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại một cách trái pháp luật. Do đó, đối với các bị cáo cần phải xử lý theo quy định của pháp luật hình sự.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo có sự cấu kết chặt chẽ, thể hiện ở việc các bị cáo đã bàn bạc, phân công vai trò từng người, hành vi của người này là tiền đề của hành vi người kia, để đạt mục đích cuối cùng chung là chiếm đoạt tài sản của bị hại để chia nhau sử dụng. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã vi phạm pháp luật, mà còn làm mất an ninh trật tại địa phương. Hành vi phạm tội của các bị cáo càng nghiêm trọng hơn, các bị cáo lợi dụng bị hại là người tín ngưỡng tâm linh rất cao, nên chọn địa điểm là Chùa để thực hiện hành vi giao dịch trao đổi. Chính bị hại vì tin Chùa là nơi linh thiêng nên mất cảnh giác, mới nhận trao đổi cổ vật bằng đồng (thực chất là kim loại chì, không có tác dụng như lời của các bị cáo) với số tiền đặc biệt lớn 500 triệu đồng. Trong khi Sư thầy hoàn toàn không biết hành vi phạm tội của các bị cáo. Các bị cáo đã có sự bàn bạc, phân công vai trò, nhiệm vụ của từng người, có sự liên kết chặt chẽ trong việc làm giả cổ vật và thực hiện việc mua bán cổ vật giả giữa các bị cáo với bị hại D. Do đó, các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là phạm tội có tổ chức theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Việc làm này ảnh hưởng đến chính sách tôn giáo, dân tộc, bị quần chúng nhân dân căm phẫn, đòi hỏi pháp luật phải xử lý; do đó, đối với các bị cáo cần phải xử nghiêm minh.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa 02 bị cáo N và T đều thật thà khai báo, quá trình nhân thân của 3 bị cáo tốt, chưa có tiền án, tiền sự; đã tác động để người thân nộp tiền để hoàn trả cho bị hại là 149.290.000 đồng, nên xem đây là các tình tiết giảm nhẹ chung cho cả 3 bị cáo. Riêng bị cáo C trong quá trình điều tra bị cáo C thì thật thà khai báo, nhưng tại phiên tòa bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội.

Để cụ hóa hình phạt, cần phân tích vai trò của từng bị cáo tham gia trong vụ án từ đó áp dụng hình phạt tương xứng.

[4.1] Trước tiên là bị cáo N. T. C, bị cáo giữ vai trò chính; bị cáo là người trực tiếp làm giả cổ vật (đồng đen) rồi chủ động bàn bạc với các bị cáo khác N. T. N, T. T nhằm lừa bán cổ vật giả chiếm đoạt tiền của người khác để chia nhau chi tiêu. Các bị cáo đã thống nhất phân công bị cáo C có nhiệm vụ chế tạo cổ vật giả bằng cách nấu chì miếng thành lỏng rồi đúc thành khối, quấn kín xung quanh

bằng băng keo, lấy vải màu đỏ tự vẽ hoa văn bằng mực đen (gọi là lá bùa) bọc bên ngoài khối chì, làm cho anh D tưởng giả là thật, nên đã trao đổi với giá tiền đặc biệt 500 triệu đồng, nên mức hình phạt của bị cáo phải cao hơn các bị cáo khác.

[4.2] Kế tiếp là bị cáo T. T, sau khi bị cáo C đúc xong cổ vật giả, bị cáo N đã đăng trên mạng xã hội facebook thì bị hại liên hệ trực tiếp với bị cáo, bị cáo giới thiệu làm nghề bốc thuốc chữa bệnh cho người dân và có cổ vật bằng đồng phát ra năng lượng, có thể chữa bệnh, cổ vật hiện đang được bảo quản tại Chùa, Sư thầy của chùa quyết định chọn người để trao đổi cổ vật lấy tiền xây dựng nhà táng và một số phòng học cho các sư tại Chùa; yêu cầu anh D gửi thông tin họ tên, ngày tháng năm sinh để nhờ Sư thầy xem nếu thích hợp và có tâm đức thì sẽ được nhà chùa giao lại cổ vật. Bị cáo đã thỏa thuận địa điểm và đưa ra giá tiền, chính bị cáo liên hệ với người trong Chùa để bị hại tin tưởng mua cổ vật giả với giá trị rất lớn, bị cáo là người nhận tiền trực tiếp từ bị hại, khi chiếm đoạt tiền xong bị cáo được chia nhiều hơn các bị cáo khác; lẽ ra, mức hình phạt của bị cáo phải ngang bằng với mức hình phạt của bị cáo C, nhưng vì nhận thấy việc làm của bản thân đã vi phạm pháp luật nên bị cáo đã ra đầu thú rồi khai báo hết những hành vi, vi phạm pháp luật; thêm nữa, bị cáo đã tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án, cụ thể là liên lạc với bị cáo C và N qua điện thoại yêu cầu 2 bị cáo C và N xuống địa bàn tỉnh Vĩnh Long để Cơ quan điều tra bắt giữ, nên bị cáo được chiếu cố, khoan hồng trong đường lối xử lý.

[4.3] Sau cùng là bị cáo N. T. N, bị cáo dùng tài khoản facebook “Bạch Tuyết” của bạn gái để đăng thông tin giới thiệu về cổ vật trên mạng xã hội, có người liên lạc mua thì Nghĩa giới thiệu qua T là người đang quản lý cổ vật; Từ đó, anh L. T. D cập nhật được thông tin bài đăng của N với nội dung có cổ vật cần bán. Sau đó, anh D liên lạc thì N nói cổ vật là của ông bác tên T. S (bị cáo T) ở Trà Vinh đang gửi ở Chùa; đồng thời cho số điện thoại của C để anh D liên hệ khi anh D liên lạc với C, C trao đổi một số thông tin về cổ vật và cho số điện thoại của T để D tiếp tục liên lạc. Sau khi chiếm đoạt được tiền cùng nhau chia ra.

[5] Về bồi thường thiệt hại: bị hại L. T. D yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 500.000.000 đồng. Các bị cáo đồng ý bồi thường số tiền trên cho bị hại, các bị cáo đã xác định được số tiền chia nhau sau khi chiếm đoạt được tiền của bị hại nên cần buộc các bị cáo hoàn trả cho bị hại theo phần tiền các bị cáo nhận được.

Bị cáo T. T phải hoàn trả cho bị hại D số tiền 200.000.000 đồng, bị cáo đã nộp được số tiền để khắc phục là 50.000.000 đồng, bị cáo T phải hoàn trả tiếp số tiền 150.000.000 đồng.

Bị cáo N. T. C phải hoàn trả cho bị hại số tiền 150.000.000 đồng, bị cáo đã nộp số tiền 64.249.000 đồng, bị cáo phải hoàn trả tiếp 85.751.000 đồng.

Bị cáo N. T. N phải hoàn trả cho bị hại số tiền 150.000.000 đồng; bị cáo đã nộp được số tiền 35.000.000 đồng, bị cáo phải hoàn trả tiếp 115.000.000 đồng.

[6] Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với các công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội còn giá trị sử dụng thì tịch thu sung công quỹ, không còn giá trị thì hủy bỏ; những vật, tài sản không liên quan đến hành vi phạm tội thì tuyên trả cho chủ sở hữu.

Tuyên tịch thu các vật sau để tiêu hủy bao gồm:

\* *Tạm giữ N. T. C:*

- 02 (hai) tấm kính thủy tinh có kích thước 10cm x10cm, đã bị vỡ.
- 01(một) khối kim loại hình trụ tròn có kích thước 7,5cm x 8,5cm, cân nặng 3,1kg.
- 26 ống thủy tinh đo nhiệt độ.
- 10 mảnh vải.
- 11 viên kim loại màu đen.
- 06 cuộn băng keo màu đen.
- 36 miếng thủy tinh.
- 07 hột quẹt gas; 14 hộp quẹt diêm.

\* *Tạm giữ của N. T. N:*

- 01(Một) biển số xe mô tô 66L1-566.38.
- 01 (Một) biển số xe mô tô 66L1-073.68.
- 01 (Một) khối chất rắn, cân nặng 2,72kg; 01(Một) miếng vải màu đỏ.
- 01 (một) mảnh vải màu đỏ; 01 (một) túi nylon màu vàng; nhiều miếng băng keo màu đen.
- 01 (một) hộp nhựa màu hồng, bên trong có chất kim loại màu bạc, cân nặng: 2,62kg.
- 02 giấy lĩnh tiền bản photo của ngân hàng ACB, ngày 26/4/2021 (bản chính kèm theo hồ sơ BL 14,15)

Tuyên giao trả các vật như sau:

- 02 giấy chứng minh nhân dân của N. T. N số 341839055 và N. T. C số 340881604 đều do Công an tỉnh Đồng Tháp cấp.

Tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước các vật như sau:

- Của N. T. C: 01 điện thoại màu đen hiệu Samsung, sim số 0792.316.188.

- Cửa N. T. N: 01 (một) xe mô tô biển số 66V1-662.86 nhãn hiệu Honda Vario, màu sơn đen.

- Cửa T. T: 01 (một) xe mô tô biển số 84K1-378.90, nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu sơn xanh, đen.

- Tiếp tục tạm giữ của bị cáo N. T. N để đảm bảo thi hành án 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung, vỏ máy màu đen, sim số 0899.609.939 và 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, máy màu đen, sim số 0783.766.142.

(theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 16/3/2022)

[7] Lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận một phần.

[8] Lời bào chữa của các Luật sư chủ yếu đưa ra các tình tiết để đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, nên được chấp nhận một phần.

[9] Về án phí: các bị cáo N. T. C, N. T. N phải nộp theo quy định của pháp luật. Riêng bị cáo T. T là người cao tuổi có làm đơn xin miễn án phí. Do đó, miễn toàn bộ án phí cho bị cáo T theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố các bị cáo N. T. C, T. T và N. T. N, đều phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

\* Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo N. T. C 12 (mười hai) năm tù.

Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 01/6/2021.

\* Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58, khoản 1 Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo N. T. N 10 (mười) năm tù.

Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 01/6/2021.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, các điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17, khoản 1 Điều 54 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo T. T 10 (mười) năm tù.

Thời hạn tù từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự, Điều 288, Điều 290, Điều 584, Điều 585 và Điều 587 của Bộ luật Dân sự.

Buộc các bị cáo T. T, N. T. C, N. T. N liên đới theo phần để hoàn trả cho bị hại L. T. D số tiền 500.000.000 đồng, nhưng được trừ số tiền 149.249.000 đồng (một trăm bốn mươi chín triệu, hai trăm bốn mươi chín ngàn đồng), còn phải hoàn trả tiếp là 350.751.000 đồng. Trong đó, từng bị cáo hoàn trả như sau:

+ Bị cáo T. T phải hoàn trả số tiền 200.000.000 đồng; bị cáo đã nộp được số tiền 50.000.000 đồng, còn phải hoàn trả tiếp số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng).

+ Bị cáo N. T. C phải hoàn trả cho bị hại số tiền 150.000.000 đồng, bị cáo đã nộp được số tiền 64.249.000 đồng, bị cáo phải hoàn trả tiếp 85.751.000 đồng (tám mươi lăm triệu, bảy trăm năm mươi một ngàn đồng).

Bị cáo N. T. N phải hoàn trả cho bị hại số tiền 150.000.000 đồng; bị cáo đã nộp được số tiền 35.000.000 đồng, bị cáo phải hoàn trả tiếp 115.000.000 đồng (một trăm mười lăm triệu đồng).

Giao cho ông L. T. D số tiền 149.249.000 đồng (một trăm bốn mươi chín triệu, hai trăm bốn mươi chín ngàn đồng) mà gia đình các bị cáo đã nộp thay để trừ vào số tiền các bị cáo có nghĩa vụ hoàn trả cho bị hại.

#### **Về xử lý vật chứng:**

Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên tịch thu các vật sau để tiêu hủy bao gồm:

- 02 (hai) tấm kính thủy tinh có kích thước 10cm x10cm, đã bị vỡ.
- 01(một) khối kim loại hình trụ tròn có kích thước 7,5cm x 8,5cm, cân nặng 3,1kg.
- 26 ống thủy tinh đo nhiệt độ.
- 10 mảnh vải.
- 11 viên kim loại màu đen.
- 06 cuộn băng keo màu đen.
- 36 miếng thủy tinh.
- 07 hột quẹt gas; 14 hộp quẹt diêm.
- 01 (một) biển số xe mô tô 66L1-566.38.

- 01 (một) biển số xe mô tô 66L1-073.68.

- 01 (một) khối chất rắn, cân nặng 2,72kg;

- 01(một) miếng vải màu đỏ.

- 01 (một) mảnh vải màu đỏ; 01 (một) túi nylon màu vàng; nhiều miếng băng keo màu đen.

- 01 (một) hộp nhựa màu hồng, bên trong có chất kim loại màu bạc, cân nặng: 2,62kg.

- 02 giấy lĩnh tiền bản photo của ngân hàng ACB, ngày 26/4/2021

Tuyên giao trả cho bị cáo N giấy chứng minh nhân dân của N. T. N số 341839055 và trả cho bị cáo N. T. C giấy chứng minh nhân dân số 340881604 đều do Công an tỉnh Đồng Tháp cấp.

Tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước các vật như sau:

- Của N. T. C: 01 điện thoại màu đen hiệu Samsung, sim số 0792.316.188.

- Của N. T. N: 01 (một) xe mô tô biển số 66V1-662.86 nhãn hiệu Honda Vario, màu sơn đen.

- Của T. T: 01 (một) xe mô tô biển số 84K1-378.90, nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu sơn xanh, đen.

- Tiếp tục tạm giữ của bị cáo N. T. N để đảm bảo thi hành án 01(một) điện thoại di động hiệu Samsung, vỏ máy màu đen, sim số 0899.609.939 và 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, máy màu đen, sim số 0783.766.142

(theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 16/3/2022)

Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm b khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo N. T. C phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 3.212.400 đồng (ba triệu, hai trăm mười hai ngàn, bốn trăm) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo N. T. N phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 5.750.000 (năm triệu, bảy trăm năm mươi ngàn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án biết, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng những người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TANDCC: 01;
- VKSNDCC: 01;
- VKS TVL: 02;
- CA: 01;
- THADS TVL: 02;
- THA HSTVL: 01;
- STP: 01;
- VPĐT CAVL: 01;
- PHÒNG HỒ SƠ CAVL: 01;
- TG + BC: 02;
- BH: 01;
- NLQ: 05;
- UBND xã L.H, huyện L. V: 02;
- UBND thị trấn C. K: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 04.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thành Tân**